

Danh mục các chương trình đào tạo, chỉ tiêu, phương thức và mã xét tuyển

TT	Chương trình/ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Mã xét tuyển	Phương thức tuyển sinh/Tổ hợp xét tuyển		
				XTTN	ĐGTD	THPT
A. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN						
1	Kỹ thuật Sinh học	160	BF1	√	√	K01, A00, B00, D07
2	Kỹ thuật Thực phẩm	360	BF2	√	√	K01, A00, B00, D07
3	Kỹ thuật Hóa học	680	CH1	√	√	K01, A00, B00, D07
4	Hóa học	160	CH2	√	√	K01, A00, B00, D07
5	Công nghệ Giáo dục	120	ED2	√	√	K01, A00, A01, D01
6	Quản lý Giáo dục	60	ED3	√	√	K01, A00, A01, D01
7	Tâm lý học công nghiệp và tổ chức (mới)	40	ED5	√	√	K01, A00, A01, D01
8	Kỹ thuật điện	240	EE1	√	√	K01, A00, A01
9	Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa	500	EE2	√	√	K01, A00, A01
10	Quản lý Năng lượng	80	EM1	√	√	K01, A00, A01, D01
11	Quản lý Công nghiệp	100	EM2	√	√	K01, A00, A01, D01
12	Quản trị Kinh doanh	120	EM3	√	√	K01, A00, A01, D01
13	Tài chính - Ngân hàng	100	EM5	√	√	K01, A00, A01, D01
14	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	480	ET1	√	√	K01, A00, A01
15	Kỹ thuật Y sinh	100	ET2	√	√	K01, A00, A01, B00
16	Kỹ thuật Môi trường	160	EV1	√	√	K01, A00, B00, D07
17	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	120	EV2	√	√	K01, A00, B00, D07
18	Tiếng Anh KHKT và Công nghệ	210	FL1	√	√	K01, D01
19	Tiếng Trung KH&CN	80	FL3	√	√	K01, D01, D04

TT	Chương trình/ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Mã xét tuyển	Phương thức tuyển sinh/Tổ hợp xét tuyển		
				XTTN	ĐGTD	THPT
20	Tiếng Hàn KH&CN (mới)	40	FL4	√	√	K01, D01, DD2
21	Kỹ thuật Nhiệt	250	HE1	√	√	K01, A00, A01
22	CNTT: Khoa học Máy tính	300	IT1	√	√	K01, A00, A01
23	CNTT: Kỹ thuật Máy tính	200	IT2	√	√	K01, A00, A01
24	Kỹ thuật Cơ điện tử	300	ME1	√	√	K01, A00, A01
25	Kỹ thuật Cơ khí	560	ME2	√	√	K01, A00, A01
26	Toán-Tin	160	MI1	√	√	K01, A00, A01
27	Hệ thống Thông tin quản lý	80	MI2	√	√	K01, A00, A01
28	Kỹ thuật Vật liệu	280	MS1	√	√	K01, A00, A01, D07
29	Kỹ thuật Vi điện tử và Công nghệ nano	180	MS2	√	√	K01, A00, A01, D07
30	Công nghệ vật liệu Polyme và Compozit	80	MS3	√	√	K01, A00, A01, D07
31	Kỹ thuật In	60	MS5	√	√	K01, A00, A01, D07
32	Vật lý Kỹ thuật	200	PH1	√	√	K01, A00, A01
33	Kỹ thuật Hạt nhân	40	PH2	√	√	K01, A00, A01
34	Vật lý Y khoa	60	PH3	√	√	K01, A00, A01
35	Kỹ thuật Ô tô	200	TE1	√	√	K01, A00, A01
36	Kỹ thuật Cơ khí động lực	120	TE2	√	√	K01, A00, A01
37	Kỹ thuật Hàng không	80	TE3	√	√	K01, A00, A01
38	Công nghệ Dệt May	240	TX1	√	√	K01, A00, A01, D07
B. CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO - ELITECH (CỦA ĐHBK HÀ NỘI)						
B1. Chương trình tiên tiến giảng dạy bằng tiếng Anh						
39	Kỹ thuật Thực phẩm	60	BF-E12	√	√	K01, A00, B00, D07

TT	Chương trình/ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Mã xét tuyển	Phương thức tuyển sinh/Tổ hợp xét tuyển		
				XTTN	ĐGTD	THPT
40	Kỹ thuật sinh học	60	BF-E19	√	√	K01, A00, B00, D07
41	Kỹ thuật Hóa dược	100	CH-E11	√	√	K01, A00, B00, D07
42	Hóa học Mỹ phẩm (mới)	40	CH-E20	√	√	K01, A00, B00, D07
43	Kỹ thuật điều khiển-Tự động hóa	140	EE-E8	√	√	K01, A00, A01
44	Hệ thống điện và năng lượng tái tạo	60	EE-E18	√	√	K01, A00, A01
45	Phân tích Kinh doanh	140	EM-E13	√	√	K01, A01, D01, D07
46	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	140	EM-E14	√	√	K01, A01, D01, D07
47	Kế toán (mới)	80	EM-E17	√	√	K01, A01, D01, D07
48	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	120	ET-E4	√	√	K01, A00, A01
49	Kỹ thuật Y sinh	40	ET-E5	√	√	K01, A00, A01
50	Truyền thông số và Kỹ thuật đa phương tiện	60	ET-E16	√	√	K01, A00, A01
51	Công nghệ Thông tin Global ICT	160	IT-E7	√	√	K01, A00, A01
52	Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	160	IT-E10	√	√	K01, A00, A01
53	An toàn không gian số - Cyber Security	40	IT-E15	√	√	K01, A00, A01
54	Kỹ thuật Cơ điện tử	180	ME-E1	√	√	K01, A00, A01
55	Khoa học tính toán cho các hệ thống thông minh (mới)	40	MI-E22	√	√	K01, A00, A01
56	Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	60	MS-E3	√	√	K01, A00, A01, D07
57	Kỹ thuật Ô tô	100	TE-E2	√	√	K01, A00, A01
B2. Chương trình có tăng cường ngoại ngữ						
58	Hệ thống nhúng thông minh và IoT (tăng cường tiếng Nhật)	80	ET-E9	√	√	K01, A00, A01
59	Công nghệ Thông tin Việt - Nhật (tăng cường tiếng Nhật)	160	IT-E6	√	√	K01, A00, A01
60	Công nghệ Thông tin Việt - Pháp (tăng cường tiếng Pháp)	40	IT-EP	√	√	K01, A00, A01

TT	Chương trình/ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Mã xét tuyển	Phương thức tuyển sinh/Tổ hợp xét tuyển		
				XTTN	ĐGTD	THPT
B3. Chương trình có chuẩn đầu ra ngoại ngữ khác						
61	Điện tử - Viễn thông - ĐH Leibniz Hannover (CHLB Đức)	40	ET-LUH	√	√	K01, A00, A01
62	Cơ điện tử - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (CHLB Đức)	50	ME-LUH	√	√	K01, A00, A01
63	Cơ điện tử - hợp tác với ĐHCN Nagaoka (Nhật Bản)	100	ME-NUT	√	√	K01, A00, A01
64	Cơ khí Chế tạo máy - hợp tác với trường ĐH Griffith (Úc)	40	ME-GU	√	√	K01, A00, A01
C. CHƯƠNG TRÌNH VIỆT - PHÁP (PFIEV)						
65	Tin học công nghiệp và Tự động hóa	40	EE-EP	√	√	K01, A00, A01
66	Cơ khí Hàng không	40	TE-EP	√	√	K01, A00, A01
D. CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ						
67	Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế (do ĐHBK Hà Nội và ĐH Plymouth Marjon - Vương quốc Anh cấp bằng)	90	FL2	√	√	K01, D01
68	Khoa học Máy tính - ĐH Troy (Hoa Kỳ, do ĐH Troy cấp bằng)	120	TROY-IT	√	√	K01, A00, A01
Tổng chỉ tiêu:		9.880				

Ghi chú: Các tổ hợp xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT in đậm sẽ tính môn Toán nhân hệ số 2.